

DANH SÁCH SINH VIÊN

NHẬN HỌC BỔNG HK01

Khoa Tiếng Trung (năm học
2011-2012)

Danh sách kèm theo quyết định

số 1065/QĐ-ĐHSP ngày

21/5/2012

S	Họ và Tên	MSS	ĐT Đ	Mức	Số tiền
T		V	BC R	c	
T		HT L	học		
			bổ		
			ng		
1	Quang Hải Trí	K37.73.1 04.00 1 6	9024	120000	
2	Lý TrầnHải	K37.73.0 04.00 3 7	8024	120000	
3	Trần Hùng	K37.73.1 04.01 3 0	8024	120000	
4	Khúc My Thoại	K37.73.2 04.01 9 5	7924	120000	
5	Giềng Phó Hộ	K37.73.0 04.01 3 7	8024	120000	
6	Vương Anh Kim	K37.72.9 54.00 5 2	8124	120000	
7	Hàng Ân Ái	K37.72.9 54.00 5 3	8824	120000	
8	Châu Bội Thi	K37.72.9 54.00 5 5	8224	120000	
9	Phùng Đạt Tiến	K37.72.9 54.01 5	8724	120000	
10	Hỷ NhưĐào	K37.73 54.01 6	8624	120000	
11	Chí Lý Kín	K37.73.1 54.02 3 2	8124	120000	
12	Châu Lệ Gia	K37.72.9 54.02 8 7	8824	120000	
13	NguyễnLý	K37.73.1	9424	120000	

Thị	54.07 7	00 0
	4	00
14 Huỳnh Quý	K37.73.0	7824 120000
Thế ền	54.04 8	00 0
	8	00
15 La Tân	K37.72.8	8724 120000
Thúy m	54.05 5	00 0
	0	00
16 Diệp Tha	K37.72.8	8024 120000
Bội nh	54.05 5	00 0
	3	00
17 Huỳnh Đào	K37.72.8	8224 120000
Liêu	54.06 5	00 0
	6	00
18 Mạnh Hà	K37.72.8	7924 120000
Nguyễn	54.06 5	00 0
Xuân	7	00
19 Nguyễn Lin	K37.72.9	8224 120000
Thị h	54.07 5	00 0
	0	00
20 Lâm Lin	K37.73.1	8424 120000
Ngọc h	54.07 3	00 0
	1	00
21 Trương Mã	K37.73.3	9030 150000
Gia n	54.07 3	00 0
	5	00
22 Khâu Ngh	K37.72.9	8224 120000
Bảo i	54.08 8	00 0
	2	00
23 Nguyễn Ngu	K37.73.2	7924 120000
Thị yên	54.08	00 0
Hạnh	3	00
24 Lương Phư	K37.72.9	9024 120000
Ngọc ơng	54.08 5	00 0
	6	00
25 Tsú Yên	K37.73.1	7924 120000
Kim	54.09	00 0
	8	00
26 Huỳnh Yên	K37.73.1	8924 120000
Kim	54.09 8	00 0
	9	00